

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DSPT

Ngày: 30/5/2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng lối đi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Các thẩm phán: Ông Bùi Quang Năng

Bà Trương Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 07/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 do có kháng cáo của bị đơn ông Lê Phú K đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 02/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; theo Quyết định đưa ra xét xử phúc thẩm số 10/2022/QĐXX-PT ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Đình P, sinh năm: 1968 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1971; cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. (Bà Đậu đã ủy quyền cho ông P tham gia tố tụng giải quyết vụ án tại văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 7 năm 2021). (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Phú K, sinh năm: 1959 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1961; cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang T – Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện. Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Hải B – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường UBND huyện. (Có mặt).

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ. Người đại diện theo pháp luật ông Trần Văn L – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã. (Có mặt).

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

- Ông Võ Ngọc D, sinh năm: 1977; địa chỉ: Công ty Luật TNHH ATD, phòng 2 tầng 1 nhà A13 Tập thể Học viện Quốc phòng, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.(Có mặt).

- Ông Lê Minh T, sinh năm: 1989; địa chỉ: Công ty Luật TNHH ATD, phòng 2 tầng 1 nhà A13 Tập thể Học viện Quốc phòng, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.(Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1959; địa chỉ: Công ty Luật TNHH ATD, phòng 2 tầng 1 nhà A13 Tập thể Học viện Quốc phòng, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DSST ngày 02/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Phạm Đình P và bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Gia đình ông, bà có con đường đi từ nhà ở ra đến đường liên xã dài khoảng 89m, rộng khoảng 03m tại Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Con đường này, gia đình ông bà đã sử dụng làm con đường đi lại từ năm 1990 cho đến nay và được thể hiện trong bản đồ địa chính xã T. Thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới của Nhà nước gia đình ông, bà mua cát sỏi và thuê nhân công để đổ bê tông con đường đi đó. Tuy nhiên, khi đổ bê tông đến đoạn qua vườn nhà ông Lê Phú K và bà Nguyễn Thị L thì gia đình ông K, bà L ra cản trở không cho tiếp tục đổ bê tông để hoàn thiện con đường. Hành vi cản trở của gia đình ông K, bà L đã làm ngừng trệ việc đổ bê tông con đường và làm hư hỏng nguyên vật liệu của gia đình ông P. Ông Phạm Đình P và bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện đề nghị:

- Công nhận con đường đi từ nhà ở của ông Phạm Đình P và bà Nguyễn Thị Đ ra đến đường liên xã dài khoảng 89m, rộng khoảng 03m tại Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh là con đường chung của nhà nước do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

- Buộc gia đình ông Lê Phú K và bà Nguyễn Thị L không được cản trở gia đình ông Phạm Đình P và bà Nguyễn Thị Đ thi công đổ bê tông trên con đường này để gia đình ông thực hiện việc xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Nhà nước.

Bị đơn ông Lê Phú K và bà Nguyễn Thị L trình bày: Năm 1983 gia đình ông, bà vào lập nghiệp, khai hoang tại mảnh đất ông bà hiện nay đang sinh sống ở Thôn T, xã T, huyện Đ. Năm 1990, ông Lê Phú K đào đất, đào gốc cây để mở con đường thả trâu bò lên núi trên phần đất của gia đình ông. Khi đó gia đình ông Phạm Đình

P vào mua toàn bộ nhà của hộ gia đình khác và đi sau vườn gia đình ông K. Tuy nhiên, do thấy không tiện đi trên con đường đó nên ông P đã xin ông K đi nhờ trên con đường mà ông P đã khai hoang thả trâu bò. Ông K, bà L đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì: Con đường trên gia đình ông Phạm Đình P, bà Nguyễn Thị Đ và những người dân khác đi lại đã ảnh hưởng đến phong thủy của gia đình ông, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, đời sống sinh hoạt của gia đình ông.

UBND xã T trình bày: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 007720 cấp ngày 13 tháng 11 năm 2014 mang tên ông Phạm Đình P và bà Nguyễn Thị Đ có diện tích 13002,2m² tại thửa đất số 2, tờ bản đồ địa chính số 43 tại thôn 4 (nay là thôn T) xã T. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa I 318532 cấp ngày 10 tháng 8 năm 1996 mang tên Lê K có diện tích 6331m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 5, bản đồ 229 tại thôn 4 (nay là thôn T) xã T. Hiện tại Ủy ban nhân dân xã đang lưu trữ các tài liệu sau: Tờ bản đồ số 5 (Bản đồ 229 xã T); Sổ địa chính (Quyển số 2); Các loại sổ được lập theo mẫu 05 và 11; Sổ mục kê; bản đồ số 42 và 43 bản đồ địa chính xã T; Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Đất ở) quyển số 001; Bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BN 007724 kí ngày 13 tháng 11 năm 2014 mang tên ông Lê Phú K và bà Nguyễn Thị L có diện tích 7015,2m² tại thửa đất số 103, tờ bản đồ địa chính số 42 tại thôn 4 (nay là thôn Tân Nhân) xã T.

Quan điểm của UBND xã T: Diện tích đất hiện nay gia đình ông Phạm Đình P đang sử dụng làm ngõ đi (trong đó phần diện tích 398,1m² đang tranh chấp) được hình thành thời gian nào, lý do hình thành, ai là người tạo ra ngõ đi này thì UBND chưa nắm rõ vì chưa họp được nhân dân để lấy ý kiến. Còn căn cứ vào tài liệu đo đạc bản đồ địa chính năm 2012 thì có thể hiện đường ngõ xóm. Phần diện tích đó do UBND xã quản lý, không cá nhân nào quản lý (đã cung cấp bản đồ địa chính tờ 42 và 43 cho Tòa án). Từ trước tới nay phần đất này không cấp quyền sử dụng đất cho bất cứ cá nhân nào và cũng không có ai phải thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Phần đất gia đình ông P, bà Đ hiện đang tranh chấp là phần đất được sử dụng làm đường ngõ xóm là đường đi chung cho nhân dân không vi phạm quy hoạch sử dụng đất của xã. Phần đất này không phải của riêng cá nhân gia đình ông P, bà Đ hay ông K, bà L.

Về công tác quản lý: Khi tranh chấp quyền sử dụng lối đi xảy ra giữa gia đình ông P và ông K, UBND xã đã phối hợp với UBMT Tổ quốc xã chỉ đạo ban hòa giải thôn Tân Nhân tiến hành tổ chức hòa giải nhưng các cuộc hòa giải đều không thành. UBND xã đã thành lập đoàn để xác minh hiện trạng đường thôn Tân Nhân có liên quan đến việc tranh chấp và cũng nói rõ cho 2 gia đình biết trong các cuộc làm việc.

UBND xã T đề nghị Tòa án công nhận đây là con đường của thôn, xóm do UBND xã Tân Hương quản lý, không thuộc quyền sử dụng riêng của cá nhân nào.

UBND huyện Đ trình bày: Ông Lê Phú K được UBND huyện GCN QSD số I 318532, mang tên Lê K trong đó thửa đất tại số 19, tờ bản đồ số 5 (bản đồ 229) có diện tích đất ở 300m², đất vườn 2805m², còn lại đất nông nghiệp. Sau đo đạc bản đồ địa chính, ông K đã kê khai, lập hồ sơ và được UBND cấp huyện đổi bằng GCN QSD đất số BN 007724 với diện tích 7015,2, trong đó đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 6715,2m² (Hiện tại GCN QSD đất đang ở UBND xã T). Tại GCN QSD đất được cấp đổi, đường ngõ xóm được thể hiện trên, không nằm trong diện tích ông K được cấp. Theo quy định, đường ngõ xóm thuộc quỹ đất giao thông, do UBND xã T quản lý, không giao cho bất cứ cá nhân nào. Do đó yêu cầu khởi kiện “Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết, công nhận con đường hiện gia đình ông đang đi là con đường của thôn xóm, buộc gia đình ông Lê Phú K không được cản trở việc gia đình ông thi công đổ bê tông đi lại trên con đường đó” của ông Phạm Đình P là có cơ sở.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DSST ngày 02/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ khoản 2 Điều 101, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 4 và khoản 9 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Phạm Đình P và bà Nguyễn Thị Đ xác định diện tích lối đi đang tranh chấp là lối đi chung, thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã Tân Hương, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

Buộc gia đình ông Lê Phú K và bà Nguyễn Thị L không được cản trở gia đình ông Phạm Đình P và bà Nguyễn Thị Đ thi công đổ bê tông trên con đường này để gia đình ông thực hiện việc xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Nhà nước.

Án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, bị đơn ông Lê Phú K kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, không bổ sung chứng cứ, tài liệu gì thêm.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: lối đi đang tranh chấp thuộc Nhà nước quản lý, người dân muốn cải tạo, sửa chữa phải được sự đồng ý của Nhà nước, việc thi công đường phải được sự đồng ý của các hộ dân sử dụng lối đi và sự giám sát của chính quyền địa phương. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm xét xử lại để đảm bảo quyền lợi cho phía bị đơn.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa, HĐXX, thư ký phiên tòa đã đề nghị không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2022/DSST ngày 02/3/2022 của TAND huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp quyền sử dụng lối đi” là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26 BLTTDS và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích lối đi có tranh chấp:

Thửa đất gia đình ông Phạm Đình P đang sử dụng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 007720 ngày 13 tháng 11 năm 2014 mang tên ông Phạm Đình P và bà Nguyễn Thị Đ có diện tích 13002,2m² tại thửa đất số 2, tờ bản đồ địa chính số 43 tại thôn 4 (nay là thôn Tân Nhân) xã Tân Hương, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Tại Giấy CNQSD đất của gia đình ông P không có diện tích lối đi đang tranh chấp.

Thửa đất gia đình ông Lê Phú K đang sử dụng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 318532 ngày 10 tháng 8 năm 1996 mang tên Lê Khánh có diện tích 6331m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 5, bản đồ 229 tại thôn 4 (nay là thôn T) xã T. Sau đo đạc bản đồ địa chính, ông K đã kê khai, lập hồ sơ và được UBND cấp huyện đổi bằng GCN QSD đất số BN 007724 với diện tích 7015,2, trong đó đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 6715,2m². Tại GCN QSD đất được cấp đổi, đường ngõ xóm đang có tranh chấp không nằm trong diện tích ông K được cấp.

UBND xã T và UBND huyện Đ xác định: căn cứ bản đồ địa chính các thời kỳ và hồ sơ quản lý đất đai, diện tích đất lối đi đang tranh chấp do UBND xã quản lý, từ trước tới nay không ai phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất nói

trên, đây là đường ngõ xóm, lối đi chung cho người dân chứ không phải của riêng cá nhân gia đình ông P, bà Đ hay ông K, bà L.

[2.2] Về hiện trạng đất tranh chấp và quá trình sử dụng, cấp Giấy CNQSD đất:

Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, kết quả: diện tích đo đạc thực tế 02 thửa đất của gia đình ông Phạm Đình P và gia đình ông Lê Phú K phù hợp với diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BN 007720 ngày 13/11/2014 mang tên Phạm Đình P, Nguyễn Thị Đ và Giấy chứng nhận QSDĐ số BN 007724 ngày 13/11/2014 mang tên Lê Phú K, Nguyễn Thị L.

Diện tích ngõ đi đang tranh chấp (ngõ rộng 3,1m, diện tích 398,1m²) qua xem xét, thẩm định tại chỗ không nằm trong diện tích 02 thửa đất của gia đình ông Phạm Đình P, bà Nguyễn Thị Đ và gia đình ông Lê Phú K, bà Nguyễn Thị L đã được cấp theo giấy CNQSDĐ số BN 007720 ngày 13/11/2014 mang tên Phạm Đình P, Nguyễn Thị Đ và giấy chứng nhận QSDĐ số BN 007724 ngày 13/11/2014 mang tên Lê Phú K, Nguyễn Thị L.

Bị đơn ông Lê Phú K, bà Nguyễn Thị L tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ngoài lời trình bày lối đi ảnh hưởng đến phong thủy gia đình, không xuất trình được các giấy tờ để chứng minh quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang tranh chấp theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Bị đơn cho rằng diện tích đất đang tranh chấp do bị đơn khai hoang và đã đưa vào phần đất có giấy CNQSDĐ. Tuy nhiên, căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa I 318532 cấp ngày 10 tháng 8 năm 1996 mang tên Lê K có diện tích 6331m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 5, bản đồ 229 tại thôn 4 (nay là thôn T) xã T, trong đó 300m² đất ở, 6031m² đất vườn và đất sản xuất nông nghiệp, sau đo đạc bản đồ địa chính, ông K đã kê khai, lập hồ sơ và được UBND cấp huyện đổi bằng GCN QSD đất số BN 007724 với diện tích 7015,2, trong đó đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 6715,2m² (diện tích đã tăng thêm). CNQSDĐ số BN 007724 ngày 13/11/2014 và hiện trạng thì diện tích đất đang tranh chấp không nằm trong diện tích đất được cấp theo giấy CNQSDĐ số BN 007724 ngày 13/11/2014.

Căn cứ Giấy chứng nhận QSDĐ số BN 007724 ngày 13/11/2014 của ông Lê Phú K, bà Nguyễn Thị L và hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BN 007724 ngày 13/11/2014 xét thấy: giấy CNQSDĐ số BN 007724 ngày 13/11/2014 với diện tích 7015,2 m² được bị đơn ông Lê Phú K, bà Nguyễn Thị L đăng ký xin cấp đổi từ Giấy CNQSDĐ số I 318532 cấp ngày 10/8/1996 mang tên ông Lê K (được xác nhận tên là Lê Phú K) và có đơn xin cấp đổi thể hiện ý chí tự nguyện của bị đơn về việc cấp đổi giấy CNQSDĐ số I 318532 cấp ngày 10/8/1996. Quá trình làm thủ tục

cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn ông Lê Phú K, bà Nguyễn Thị L, cơ quan có thẩm quyền đã mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất và thể hiện diện tích đất đang tranh chấp là đường đất thuộc quản lý của UBND xã (đường ngõ xóm) và ông Lê Phú K đã ký tên xác nhận (không có ý kiến) là đã thể hiện sự thống nhất của bị đơn về hiện trạng thửa đất, ranh giới, mốc giới thửa đất. Việc bị đơn cho rằng sau khi được cấp Giấy CNQSDĐ số BN 007724 bị đơn không đồng ý và không nhận giấy CNQSDĐ số BN 007724 vì giấy CNQSDĐ số BN 007724 không thể hiện con đường đang tranh chấp nằm trong diện tích đất của bị đơn là không có cơ sở. Trong quá trình cấp đổi giấy CNQSDĐ ông Lê Phú K, bà Nguyễn Thị L đang thế chấp Giấy CNQSDĐ số I 318532 cấp ngày 10/8/1996 tại ngân hàng Agribank nên chưa thế nộp lại cho cơ quan quản lý để thu hồi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 và giao nhận giấy CNQSDĐ số BN 007724 ngày 13/11/2014 cấp mới cho bị đơn. Hiện nay, bị đơn Lê Phú K đã nhận Giấy CNQSDĐ số BN 007724 cấp ngày 13/11/2014 và nộp lại Giấy CNQSDĐ số I 318532 cấp ngày 10/8/1996 cho UBND xã.

Trình tự, thủ tục cấp giấy CNQSDĐ số BN 007724 ngày 13/11/2014 cho ông Lê Phú K, bà Nguyễn Thị L là có căn cứ, đảm bảo đúng quy định pháp luật và đã thể hiện ý chí của ông Lê Phú K, bà Nguyễn Thị L.

Như vậy, căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 có căn cứ xác định diện tích đất đang tranh chấp không thuộc sở hữu của bị đơn ông Lê Phú K, bà Nguyễn Thị L mà thuộc sở hữu, quản lý của Nhà nước. Đây là lỗi đi chung do UBND xã Tân Hương quản lý, việc sửa chữa, cải tạo lối đi phải được sự cho phép của UBND xã, phù hợp quy hoạch địa phương và chủ trương xây dựng nông thôn mới.

Mặt khác, căn cứ Điều 254 BLDS 2015 quy định quyền về lối đi, gia đình ông Phạm Đình P phải có lối đi và lối đi đang có tranh chấp là lối đi duy nhất gia đình ông Psử dụng từ khi về sinh sống tại đây vào năm 1990 đến nay.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện củanguyên đơn về lối đi chung là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm bị đơn ông Lê Phú Kkhông có tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Phạm Đình P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

Tuy nhiên bị đơn là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 về án phí lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Phú K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DSST ngày 02/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 101, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013, Điều 254 BLDS 2015, Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 và khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đình P và bà Nguyễn Thị Đ về việc xác định diện tích lối đi đang tranh chấp là lối đi chung, thuộc quản lý của UBND xã Tân Hương, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

Buộc bị đơn ông Lê Phú K và bà Nguyễn Thị L không được cản trở gia đình ông Phạm Đình P và bà Nguyễn Thị Đ sử dụng lối đi chung.

(Có sơ đồ vị trí, diện tích lối đi chung kèm theo bản án)

3. Về án phí: Trả lại cho ông Phạm Đình P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/006165 ngày 20/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Ông Lê Phú K và bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện Đ;
- Chi Cục THA huyện Đ;
- Đường sự;
- Lưu HS, TDS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Đào

